

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 590/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 19 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề cương nhiệm vụ “Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm
hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông trên địa bàn tỉnh Kon Tum”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

*Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;*

*Căn cứ Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của
Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông;*

*Căn cứ Thông tư 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ
Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với
nhiệm vụ chi về tài nguyên và Môi trường;*

Căn cứ Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND, ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân cấp công tác thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí lập các quy hoạch, dự án, đề án, nhiệm vụ sử dụng nguồn vốn sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 344/TTr-STNMT ngày 26 tháng 9 năm 2023 và Văn bản số 2881/STNMT-KHTC ngày 29 tháng 9 năm 2023 về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ: Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông trên địa bàn tỉnh Kon Tum (kèm theo hồ sơ).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề cương nhiệm vụ “Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông trên địa bàn tỉnh Kon Tum” (có Đề cương nhiệm vụ do Sở Tài nguyên và Môi trường lập kèm theo)⁽¹⁾, với các nội dung chính sau:

1. Tên nhiệm vụ: Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum.

3. Mục tiêu: Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông trên địa bàn tỉnh Kon Tum nhằm phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ, sử dụng tài nguyên khoáng sản hợp lý và khoa học; đồng thời hạn chế tối đa ảnh hưởng đến các khu vực đã bị sạt lở, có nguy cơ tiếp tục sạt, lở, khu vực bờ sông không ổn định, khu vực có tầm quan trọng trong việc đảm bảo sự ổn định an toàn của bờ sông, an toàn cho các công trình quốc

¹ Ủy ban nhân dân tỉnh đã thống nhất tại cuộc họp ngày 17 tháng 10 năm 2023.

phòng an ninh, khu vực đô thị, khu dân cư, công trình đê kè, thủy lợi, giao thông và các khu vực có thể gia tăng nguy cơ gây sạt lở.

4. Đối tượng nghiên cứu, phạm vi thực hiện:

4.1. Đối tượng nghiên cứu:

Các đối tượng được quy định tại Điều 28, Luật Khoáng sản năm 2010, Điều 13, Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ, các quy định của pháp luật về thủy lợi, đê điều, giao thông thủy nội địa và quy định của pháp luật có liên quan.

4.2. Phạm vi thực hiện:

Phạm vi thực hiện trên địa bàn tỉnh Kon Tum, diện tích 9.674 km², gồm 10 huyện và thành phố: Thành phố Kon Tum 432,90 km²; huyện Đăk Glei 1493,65 km²; huyện Ngọc Hồi 839,36 km²; huyện Đăk Tô 508,70 km²; huyện Kon Plông 1371,25 km²; huyện Kon Rẫy 913,90 km²; huyện Đăk Hà 845,04 km²; huyện Sa Thầy 1431,7 km²; huyện Tu Mơ Rông 857,44 km²; huyện Ia H'Drai 980,22 km².

5. Phương pháp, khối lượng thực hiện: Theo phụ lục kèm theo.

- Công tác thu thập tài liệu.
- Công tác tổng hợp, thống kê số liệu.
- Công tác khảo sát, điều tra thực địa, khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động cát, sỏi lòng sông.
- Công tác văn phòng, tổng kết viết báo cáo; tài liệu lấy ý kiến các cơ quan chức năng; tài liệu tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ.

6. Sản phẩm thực hiện:

- Phân lời:
- + Thuyết minh báo cáo

+ Các văn bản pháp lý có liên quan (đóng kèm báo cáo).

+ Tài liệu nguyên thủy: tài liệu thu thập, ghi chép, mô tả, ảnh chụp, video trong quá trình khảo sát thực địa; các sơ đồ, mặt cắt, bản đồ thành lập trong quá trình khảo sát thực địa; các mẫu vật thu thập tại thực địa; các kết quả phân tích về địa chất.

+ Tài liệu tổng hợp về các khu vực khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khai thác cát sỏi lòng sông gồm: Mặt cắt, sơ đồ, bản đồ địa chất; các tài liệu phân tích, tổng hợp; kết quả điều tra, đánh giá và xác định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khai thác cát sỏi lòng sông.

+ Hệ thống phụ lục (đóng kèm báo cáo).

- Phần bản vẽ:

+ Bản đồ tổng thể các khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản cát sỏi lòng sông tỉnh Kon Tum tỷ lệ 1/100.000, hệ VN2000;

+ Bản đồ tổng thể các khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản cát sỏi lòng sông thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum tỷ lệ 1/50.000, hệ VN2000 (1tờ).

+ Bản đồ tổng thể các khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản cát sỏi lòng sông huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum tỷ lệ 1/50.000, hệ VN2000 (1tờ).

+ Bản đồ tổng thể các khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản cát sỏi lòng sông huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum tỷ lệ 1/50.000, hệ VN2000 (1tờ);

+ Bản đồ tổng thể các khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản cát sỏi lòng sông huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum tỷ lệ 1/50.000, hệ VN2000 (1tờ);

+ Bản đồ tổng thể các khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản cát sỏi lòng sông huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum tỷ lệ 1/50.000, hệ VN2000 (1tờ);

+ Bản đồ tổng thể các khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản cát sỏi lòng sông huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum tỷ lệ 1/50.000, hệ VN2000 (1tờ);

+ Bản đồ tổng thể các khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản cát sỏi lòng sông huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum tỷ lệ 1/50.000, hệ VN2000 (1tờ);

+ Bản đồ tổng thể các khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản cát sỏi lòng sông huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum tỷ lệ 1/50.000, hệ VN2000 (1tờ);

+ Bản đồ tổng thể các khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản cát sỏi lòng sông huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum tỷ lệ 1/50.000, hệ VN2000 (1tờ);

+ Bản đồ tổng thể các khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản cát sỏi lòng sông huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum tỷ lệ 1/50.000, hệ VN2000 (1tờ);

+ Các bản đồ, sơ đồ được thành lập ở tỷ lệ 1/10.000 - 1/1000, hệ tọa độ VN2000 có thuyết minh kèm theo.

- Hồ sơ các khu vực cấm hoặc tạm thời cấm (nếu có) hoạt động khoáng sản cát sỏi lòng sông:

(Dự kiến có khoảng (40) khu vực cấm. Mỗi khu vực sẽ có một bản đồ tỷ lệ 1/10.000 được thể hiện trên tờ giấy A4 hoặc A3 đi kèm một phiếu khu vực cấm hoặc tạm thời cấm hoạt động khoáng sản cát sỏi lòng sông).

7. Nguồn vốn thực hiện: Nguồn vốn sự nghiệp kinh tế - địa chính.

8. Tiến độ thực hiện: Năm 2023 và năm 2024.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chịu trách nhiệm toàn diện về thông tin, số liệu, quy trình phê duyệt Đề cương tại quyết định này. Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan triển khai thực hiện nhiệm vụ Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông trên địa bàn tỉnh Kon Tum theo đúng quy trình, quy phạm, quy định của pháp luật.

- Căn cứ định mức, chế độ, tiêu chuẩn hiện hành, giá thị trường để tổ chức lập, thẩm định dự toán, thực hiện trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo tiết kiệm, không lãng phí, hiệu quả và phù hợp với khả năng ngân sách hằng năm; tuyệt đối không làm thất thoát ngân sách Nhà nước, chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện.

2. Sở Tài chính căn cứ khả năng nguồn vốn ngân sách hằng năm của tỉnh, chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét bố trí kinh phí để thực hiện theo quy định.

3. Các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin, phối hợp chặt chẽ Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai thực hiện nhiệm vụ Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Ngọc Sâm

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG
Đề cương nhiệm vụ Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động
khai thác cát, sỏi lòng sông trên địa bàn tỉnh
(Kèm theo Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

TT	Hạng mục	ĐVT	Khối lượng Tư vấn lập	Khối lượng Thẩm định	Ghi chú
I	Thu thập số liệu và Lập hồ sơ các khu vực cấm và tạm cấm				
I.1	Thu thập số liệu, hiện trạng tổng thể khu vực cát sỏi lòng sông thuộc đối tượng cấm và tạm cấm trong phạm vi tỉnh	ngày tổ	14,0	14,0	ĐVT (ngày tổ) Tại PL 1; 3 của Đề cương, theo TT 136/2017/TT-BTC
1	Các điểm khoáng sản cát sỏi lòng sông (110 điểm); Hệ thống sông, suối trên địa bàn tỉnh Kon Tum	ngày tổ	6,0	6,0	
2	Công trình đê điều, thủy lợi, thủy điện	ngày tổ	2,0	2,0	
3	Đường giao thông thủy	ngày tổ	2,0	2,0	
4	Công trình khu dân cư	ngày tổ	2,0	2,0	
5	Tài liệu Địa chất, QH khoáng sản, QH sử dụng đất	ngày tổ	2,0	2,0	
I.2	Lập hồ sơ các khu vực cấm và tạm cấm	đồng			
1	Xử lý, phân tích, đánh giá, phân loại, xác định đối tượng cấm và tạm cấm hoạt động khoáng sản(HĐKS).	tháng tổ	1,0	1,0	
2	Khảo sát thực địa, lập phiếu điều tra khoanh định diện tích cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản (HĐKS) tỷ lệ 1/25.000 tại 40 khu vực	km ²	40,0	40,0	
-	Ngoài trời: tỷ lệ 1/25.000 tại 40 khu vực. Ngoài nghiệp/khu vực (nhóm II), không quan sát phóng xạ (QSPX): Ảnh trung bình (ATB); Giao thông trung bình (GTTB); Cấu trúc địa chất đơn giản (CTĐG)	km ²	40,0	40,0	
-	Trong phòng: tỷ lệ 1/25.000 tại 40 khu vực. Nội nghiệp/khu vực (nhóm II), không quan sát phóng xạ (QSPX): Ảnh trung bình (ATB); Giao thông trung bình (GTTB); Cấu trúc địa chất đơn giản (CTĐG)	km ²	40,0	40,0	
II	Thành lập bản đồ chuyên môn	đồng			
1	Số hóa, chỉnh sửa bản đồ chuyên môn cũ (Bản đồ phức tạp loại II)	mảnh	1,0	1,0	
2	Lập bản đồ khoanh định khu vực cấm và tạm cấm hoạt động khoáng sản (HĐKS) tỷ lệ 1: 25.000	tháng tổ	1,0	1,0	
III	Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt				